sk习 Exercise

1. Make sentences with the words given

1) 认识:
2) 都:
3) 🖑:
4) - F:
dāng rán 5) 当然:
zhēn 6) 真:
7) 还:
8) 多少:
9) 还有:
10) 多大:
11) 祝贺:
12) 快乐:
mǎi 13) 孚·

2.	Dec	ide w	hethe	er the	staten	nents	are	gram	nmati	cally	correc	;t
	or w	vrong										
	1)	tā hěn 他很				()					
	2)	zhè shì 这是	shuí dì _谁的	míng piàn 名片	ma 吗?	()					
	3)	nǐ qù 你去	mă ma 哪吗	?		()					
	4)	wŏ qù 我去	yǔ yán 语言	xué yuàn 学院	0	()					
	5)	tā hàn 他汉	yǔ xué 语学	·河。		()					
	6)	nǐ mer 你们	jiā bù 「家不	yǒu gē 有哥	ge D	()					
	7)	wŏ yŏu 我有	· _ ^ȳ gè	gē gē 可可	hé yó ,和有	ju yī	gè dì 个弟	弟	()		
	8)	jīn tiān 今天	shì xiǎo 是小	李的	shēng rì 生日	()					
3	fill in	n the	hlank	s with	the co	orrect	- cha	uracto	re			

1)	nǐ men jiā yǒu 你们家有		kǒu rén 口人?
	A. 心	В. Л	C. JL
2)	nǐ zài nǎ gōng 你在哪工		. ?
	A. 做	B. 坐	C. 作

Dan's Class

3)		_ 是	bù shì 不是	nèi me 未好	
	A. 他.	В.	妣	C.	也,

- 4. Find a character in the second line which can be combined with a character in the first line to make a word according to the *pinyin* provided.
 - a. gāo xìng b. jiè shào c. xǐ huān d. hàn yǔ e. dāng rán 喜 高 汉 当 介

绍 欢 兴 语 然

- 5. Organize the characters in parentheses into Chinese sentences according to *pinyin* given.
 - 1) tā gē ge zài yī yuàn gōng zuò 哥哥他工作医院在
 - 2) tā men tuán duì yǒu sān gè wài guó rén 三个他们外国人团队有
 - 3) wǒ lái jiè shào yī xià
 - 一下介绍来我
 - 4) tā gěi le wǒ yī běn shū
 - 一本我给她书了

6. Complete the following dialogues.							
	1)	A:		?			
		B:	我有四个哥哥。				
	2)	A:		?			
		B:	我有很多中国朋友。				
	3)	A:		?			
		B:	这是我的照片。				

7. Watch the video and read the texts of lesson 9

 $\frac{https://www.youtube.com/watch?v=Nh3Wry_Y3No\&list=PLB1B262B05A6992F}{D\&index=8}$